

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 25/02/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản
và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Bà Nguyễn Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản, hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số 301A/18, ấp HQ, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Võ Thị Ng**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Số 301A/18, ấp HQ, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Võ Thị S**, sinh năm 1965 (xin vắng)

Địa chỉ: Ấp PT4, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Chị **Lê Thị Mỹ H**, sinh năm 1997 (xin vắng)

3.3. Chị **Lê Thị Mỹ Tr**, sinh năm 1999 (xin vắng)

Địa chỉ: Số 301A/18, ấp HQ, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. **Ngân hàng N** (xin vắng)

Địa chỉ: Số 02, LH, Phường TC, Quận BD, thành phố Hà Nội.

4. Người làm chứng: Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1936 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp AT, xã AB, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Lê Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Võ Thị Ng tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/8/2003. Trong quá trình chung sống, chị Ng lo làm ăn kiếm tiền nuôi vợ con và trong thời gian anh đi làm vắng nhà, chị Ng dẫn người đàn ông khác về nhà chung sống như vợ chồng. Anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Mỹ Tr, sinh năm 1999 và Lê Thị Mỹ H sinh năm 1997 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Phần đất thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 15, diện tích khoảng 1.100m² và căn nhà trên đất, tọa lạc tại ấp HQ, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long là do cha, mẹ của anh H mua tặng cho riêng anh nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị Ng.

Đối với căn nhà trên đất theo chị Ng xác định có giá trị là 180.000.000đ, anh H đồng ý giao nhà cho chị Ng sở hữu và chị Ng phải có nghĩa vụ hoàn trả lại ½ giá trị căn nhà cho anh H là 90.000.000đ. Đối với 02 chiếc xe Vision, anh đồng ý giao cho 02 con chung sở hữu và không có tranh chấp. Đối với 01 chiếc xe Surius mà chị Ng đã bán với giá 9.000.000đ, anh yêu cầu ngon trả lại ½ giá trị xe là 4.500.000đ. Trường hợp Tòa án giải quyết công nhận đất là tài sản chung của vợ chồng, nếu người nào được giao đất thì được quyền sở hữu cây trồng gắn liền trên đất.

Về nợ chung: Nợ Agribank – Chi nhánh huyện LH, tỉnh Vĩnh Long số tiền vốn và lãi là 86.000.000đ. Số nợ này anh H đã trả xong cho Ngân hàng nên yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh là 43.000.000đ. Đối với ý kiến của bà Võ Thị S yêu cầu anh và chị Ng trả số tiền nợ vay là 40.000.000đ thì anh không đồng ý, vì số tiền này anh không biết và không có vay mượn với bà S.

- Bị đơn chị Võ Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị không có ý định ly hôn với anh H và nếu anh H yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ Tr, sinh năm 1999 và Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1997 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh H có 01 phần đất thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 15, diện tích khoảng 1.100m² và căn nhà gắn liền trên đất, tọa lạc ấp HQ, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được nhận ½ diện tích đất và sở hữu căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất, chị đồng ý hoàn trả ½ giá trị nhà cho anh H bằng số tiền là 90.000.000đ. Đối với đất, chị đồng ý hoàn trả giá trị đất chênh lệch cho anh H theo đơn giá là 2.500.000đ/m². Đối với 02 chiếc xe Vision, chị đồng ý giao cho 02 con sở hữu và không tranh chấp. Đối với 01 chiếc xe Surius là tài sản riêng của chị nên không đồng ý hoàn trả ½ giá trị xe cho anh H bằng số tiền là 4.500.000đ.

Về nợ chung: Số tiền nợ Agribank – Chi nhánh huyện LH là 70.000.000đ. Chị Ng đồng ý hoàn trả lại cho anh H số tiền là 35.000.000đ. Đối với bà Võ Thị S yêu cầu chị trả số tiền vay còn nợ là 40.000.000đ thì chị đồng ý trả.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị S trình bày:* Yêu cầu vợ chồng anh H, chị Ng trả cho bà số tiền vay còn nợ là 40.000.000đ.

- *Tại bản khai ngày 22/02/2021, chị Lê Thị Mỹ H và Lê Thị Mỹ Tr trình bày:*

Tài sản là phần đất nêu trên là tài sản riêng của cha là Lê Văn H có trong thời kỳ hôn nhân với mẹ là Võ Thị Ng, nên chị H và chị Tr trả lại cho anh H được hưởng và không có tranh chấp chia đất với tư cách là một thành viên trong hộ gia đình.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự trình bày:*

Ý kiến của nguyên đơn: Anh H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và không đồng ý chia tài sản chung là nhà và đất vì tài sản này là của cá nhân anh H. Anh H yêu cầu chị Ng trả cho anh 50% số tiền nợ Ngân hàng là 40.000.000đ và trả 50% giá trị xe Surius bằng số tiền là 4.500.000đ. Do quyền sử dụng đất cấp hộ nên thành viên trong hộ có 02 con chung đã có ý kiến giao cho anh nên anh chỉ đồng ý chia cho chị Ng $\frac{1}{4}$ giá trị tài sản theo giá nhà nước đã định. Đối với căn nhà trị giá 180.000.000đ thì anh thống nhất và riêng các vật dụng sinh hoạt trong gia đình không có tranh chấp.

Ý kiến của bị đơn: Chị Ng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Về tài sản chị Ng yêu cầu chia đôi, vì đây là tài sản chung của vợ chồng nên chị yêu cầu nhận phần đất có căn nhà và hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho anh H là 90.000.000đ. Anh H phải hoàn lại cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị đất chênh lệch tính theo giá nhà nước. Ngoài ra, chị Ng đồng ý trả lại cho anh H $\frac{1}{2}$ số tiền vay Ngân hàng 80.000.000đ mà anh H đã trả xong bằng 40.000.000đ và $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe Surius bằng số tiền 4.500.000đ. Ngoài ra, chị Ng đồng ý trả cho bà Võ Thị S số tiền nợ là 40.000.000đ.

Ý kiến của bà S: Không yêu cầu anh H, chị Ng trả cho bà số nợ 40.000.000đ, vì chị Ng nhận tiền vay nên chỉ yêu cầu chị Ng trả.

- *Tại bản án sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Võ Thị Ng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung.

Chia cho anh Lê Văn H phần đất có diện tích 659,9m² thửa 4-2, anh H được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất.

Chia cho chị Võ Thị Ng diện tích 590,6m² thửa 4-1, chị Ng được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất và căn nhà cấp 4 trên đất được chia.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/01/2020 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.)

Anh H, chị Ng có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Anh Lê Văn H có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Buộc chị Võ Thị Ng hoàn trả 2/3 giá trị căn nhà cho anh Lê Văn H số tiền là 120.000.000đ; 50% giá trị chiếc xe số tiền là 4.500.000đ. Buộc chị Ng hoàn trả cho anh H số tiền nợ Ngân hàng là 40.000.000đ.

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Võ Thị Ng và bà Võ Thị S: Chị Ng có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền 40.000.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí định giá, quyền yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/4/2021, nguyên đơn Lê Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 1.250m² là tài sản riêng của anh H được cha tặng cho. Đối với căn nhà gắn liền trên đất là tài sản của anh H vì nguồn tiền để xây dựng nhà là do anh sang nhượng đất được cha tặng cho, đồng thời yêu cầu được tiếp tục ở tại căn nhà để gần gũi và giáo dục con chung.

Ngày 21/10/2021, nguyên đơn Lê Văn H có đơn đề nghị cấp phúc thẩm khảo sát đo đạc lại diện tích 1.250m² và yêu cầu chia lại hiện trạng đất theo hướng chia cho nguyên đơn 2/3, chia cho bị đơn 1/3 trong tổng diện tích đất 1.250m² và giao cho bị đơn được quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung vợ chồng như sau:*

Công nhận cho anh Lê Văn H được quyền sử dụng phần đất tại tách thửa 4, 887,1m². Công nhận cho chị Võ Thị Ng được quyền sử dụng phần đất tại tách thửa 4, diện tích 281,1m² và được quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long)

Anh H được quyền lưu cư tại căn nhà trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh H tự nguyện không yêu cầu chị Ng phải có nghĩa vụ trả cho anh H các khoản sau: 2/3 giá trị căn nhà bằng số tiền là 120.000.000đ; 50% giá trị chiếc xe bằng số tiền là 4.500.000đ và số tiền nợ Ngân hàng là 40.000.000đ.

Anh H và chị Ng tự nguyện chịu tiền án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*

+ Về tính hợp pháp của kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

+ Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

Sửa Bản án sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST, ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận cho anh Lê Văn H được quyền sử dụng phần đất tại tách thửa 4, diện tích 887,1m². Công nhận cho chị Võ Thị Ng được quyền sử dụng phần đất tại tách thửa 4, diện tích 281,1m² và được quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long)

Anh H được quyền lưu cư tại căn nhà trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Ng phải trả cho anh H các khoản tiền như sau: 2/3 giá trị căn nhà bằng số tiền là 120.000.000đ; 50% giá trị chiếc xe bằng số tiền là 4.500.000đ và số tiền nợ Ngân hàng là 40.000.000đ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Mỗi bên tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí là đúng quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Võ Thị S, Lê Thị Mỹ H, Lê Thị Mỹ Tr, Ngân hàng N không có kháng cáo và không có liên quan đến kháng cáo, đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không triệu tập và vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Phần đất tại thửa số 4, diện tích 1.250,8m², tờ bản đồ số 15, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tại ấp HQ, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/9/2015 cho hộ Lê Văn H đứng tên.

Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long thể hiện: Phần tách thửa 4, diện tích 887,1m² gồm các mốc 4, 5, b, a, 2, 7, 4 và phần tách thửa 4, diện tích 281,1m² có nhà gắn liền trên đất gồm các mốc 2, 3, 4, 7, 2 thuộc tờ bản đồ 15, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tại ấp HQ, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Lê Văn H và bị đơn Võ Thị Ng tự thỏa thuận với nhau về chia tài sản chung vợ chồng như sau: Công nhận cho anh Lê Văn H được quyền sử dụng phần đất tại tách thửa 4, diện tích 887,1m². Công nhận cho chị Võ Thị Ng được quyền sử dụng phần đất tại tách thửa 4, diện tích 281,1m² và được quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long). Anh H được quyền lưu cư tại căn nhà trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Anh H tự nguyện không yêu cầu chị Ng phải có trách nhiệm trả cho anh H các khoản sau: 2/3 giá trị căn nhà bằng số tiền là 120.000.000đ; 50% giá trị chiếc xe bằng số tiền là 4.500.000đ và số tiền nợ Ngân hàng là 40.000.000đ.

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chịu tiền án phí và chi phí tố tụng cụ thể như sau: Anh H chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia bằng số tiền là: $(887,1\text{m}^2 \times 138.000\text{đ}/\text{m}^2) \times 5\% = 6.120.000\text{đ}$. Chị Ng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia bằng số tiền là: $[\text{Đất } (281,1\text{m}^2 \times 138.000\text{đ}/\text{m}^2) + \text{Nhà } (180.000.000\text{đ}) + \text{Xe } (9.000.000\text{đ})] \times 5\% = 11.389.000\text{đ}$. Anh H chịu 2.804.000đ chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm và chị Ng chịu 1.305.000đ chi phí đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn nêu trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được công nhận và sửa một phần Bản án sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST, ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long về việc chia tài sản chung vợ chồng.

Ngoài ra, đối với án phí trong vụ ly hôn thì anh H phải chịu 300.000đ và chị Ng phải chịu 2.000.000đ tiền án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị S được chấp nhận theo như án sơ thẩm đã tuyên.

Đối với các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST, ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 26, 28, 228, 296, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 55, 59, 62, 63 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn Lê Văn H và bị đơn Võ Thị Ng về việc chia tài sản chung vợ chồng, cụ thể như sau:

Công nhận cho anh Lê Văn H được quyền sử dụng phần đất tách thửa 4, diện tích là $887,1\text{m}^2$ gồm các mốc 4, 5, b, a, 2, 7, 4.

Công nhận cho chị Võ Thị Ng được quyền sử dụng phần đất tách thửa 4, diện tích $281,1\text{m}^2$ gồm các mốc 2, 3, 4, 7, 2 và được quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

Anh H và chị Ng có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định.

Anh H được quyền lưu cư tại căn nhà trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn H không yêu cầu chị Võ Thị Ng phải trả cho anh H các khoản tiền sau: 2/3 giá trị căn nhà bằng số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng); 50% giá trị chiếc xe bằng số tiền là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền nợ Ngân hàng là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

3.1. Anh Lê Văn H phải chịu tổng cộng là 6.420.000đ (sáu triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005342 ngày 03/12/2019 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006630 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên anh H phải nộp thêm số tiền 5.520.000đ (năm triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng) là đủ.

3.2. Chị Võ Thị Ng phải chịu tổng cộng 13.389.000đ (mười ba triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.025.000đ (hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005490 ngày 13/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên chị Ng phải nộp thêm số tiền 11.364.000đ (mười một triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) là đủ.

3.3. Hoàn trả cho bà Võ Thị S số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006180 ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[4] Về chi phí tố tụng:

Anh Lê Văn H chịu 2.804.000đ (hai triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn đồng) chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm và đã nộp xong. Chị Võ Thị Ng chịu 1.305.000đ (một triệu, ba trăm lẻ năm nghìn đồng) chi phí đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm và đã nộp xong.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện LH;
- CC THADS huyện LH;
- UBND xã AB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa